TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**CẢI THIỆN DỊCH MÁY NƠ-RON**

**VIỆT-ANH BẰNG GIÓNG HÀNG TỪ HƯỚNG DẪN**

*Người hướng dẫn*: **TS. Nguyễn Chí Thiện**

*Người thực hiện*: **Nguyễn Duy Hàn Lâm (MSHV: 196005004)**

Khoá  **: 2019**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

**KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT LUẬN VĂN THẠC SĨ**

**CẢI THIỆN DỊCH MÁY NƠ-RON**

**VIỆT-ANH BẰNG GIÓNG HÀNG TỪ HƯỚNG DẪN**

*Người hướng dẫn*: **TS. Nguyễn Chí Thiện**

*Người thực hiện*: **Nguyễn Duy Hàn Lâm (MSHV: 196005004)**

Khoá  **: 2019**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NĂM 2021**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT ĐƯỢC HOÀN THÀNH**

**TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**

Tôi xin cam đoan đây là sản phẩm đề cương chi tiết của riêng tôi và được sự hướng dẫn của TS. Nguyễn Chí Thiện. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố dưới bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi rõ trong phần tài liệu tham khảo.

Ngoài ra, trong đồ án còn sử dụng một số nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

**Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đồ án của mình.** Trường đại học Tôn Đức Thắng không liên quan đến những vi phạm tác quyền, bản quyền do tôi gây ra trong quá trình thực hiện (nếu có).

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

*Tác giả*

*(ký tên và ghi rõ họ tên)*

*Nguyễn Duy Hàn Lâm*

PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN

**Phần xác nhận của GV hướng dẫn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

**Phần đánh giá của GV chấm bài**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

(kí và ghi họ tên)

MỤC LỤC

[PHẦN XÁC NHẬN VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA GIẢNG VIÊN ii](#_Toc56767063)

[MỤC LỤC 1](#_Toc56767064)

[TÓM TẮT NỘI DUNG 3](#_Toc56767065)

[Chương 1: QR CODE 4](#_Toc56767066)

[1.1 Barcode 4](#_Toc56767067)

[1.2 QR code 7](#_Toc56767068)

[1.3 Cấu tạo của QR code 7](#_Toc56767069)

[1.3.1 Phân vùng cấu hình 9](#_Toc56767070)

[1.3.2 Hiệu chỉnh sai số 11](#_Toc56767071)

[1.3.3 Mã hóa 12](#_Toc56767072)

[1.4 Tổng kết chương 1 14](#_Toc56767073)

[CHƯƠNG 2: QR CODE VÀ ỨNG DỤNG 15](#_Toc56767074)

[2.1 Ứng dụng của QR code 15](#_Toc56767075)

[2.2 Xây dựng ứng dụng đăng nhập bằng QR code 15](#_Toc56767076)

[2.3 Một số rủi ro của QR code 19](#_Toc56767077)

[2.4 Tổng kết chương 2 19](#_Toc56767078)

[TÀI LIỆU THAM KHẢO 20](#_Toc56767079)

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ, ĐỒ THỊ

**DANH MỤC HÌNH**

[Hình 1.1. Minh họa về barcode 4](#_Toc56767080)

[Hình 1.2. Kết quả barcode sau khi thực hiện 6](#_Toc56767081)

[Hình 1.3. Cấu tạo của 1 QR code [1] 7](#_Toc56767082)

[Hình 1.4. Lưu trữ giá trị khả năng phục hồi dữ liệu 8](#_Toc56767083)

[Hình 1.5. Các mức phục hồi dữ liệu [1] 9](#_Toc56767084)

[Hình 1.6. Mô tả phân vùng cấu hình của QR code [1] 10](#_Toc56767085)

[Hình 1.7. Các loại phân phối dữ liệu của QR code [1] 10](#_Toc56767086)

[Hình 1.8. Chiều mã hóa của thông tin trong QR code 11](#_Toc56767087)

[Hình 1.9. Thứ tự ghi các bit mã hóa của dữ liệu trong các trường hợp đặc biệt [1] 12](#_Toc56767088)

[Hình 1.10. Thứ tự ghi các bit mã hóa của dữ liệu trong QR code 13](#_Toc56767089)

[Hình 2.1. Giao diện trang web đăng nhập 15](#_Toc56767090)

[Hình 2.2. Tiến hành đăng nhập vào hệ thống 16](#_Toc56767091)

[Hình 2.3. Đăng nhập thành công để lấy QR code 17](#_Toc56767092)

[Hình 2.4. Đăng nhập bằng QR code 18](#_Toc56767093)

[Hình 2.5. Đăng nhập thành công bằng QR code 18](#_Toc56767094)

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

**CÁC KÝ HIỆU**

*f Tần số của dòng điện và điện áp (Hz)*

*p Mật độ điện tích khối (C/m3)*

**CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

MT Machine Translation

RBMT Rule-based Machine Translation

SMT Statistical Machine Translation

NMT Neural Machine Translation

LSTM Long-short Term Memory

TÓM TẮT

Hiện nay việc áp dụng các giải thuật, mô hình vào quá trình dịch đang là một lĩnh vực nghiên cứu nhằm giúp cải thiện và tăng tính tự động của quá trình dịch. Quá trình áp dụng các giải thuật hay mô hình vào quá trình dịch được gọi tắt là dịch máy.

Tài liệu này xin trình bày mô hình dịch máy nơ-ron transformer làm chủ đạo trong quá trình thực hiện. Mô hình gióng hàng từ (word alignment) sẽ được dùng trong quá trình xây dựng mô hình transformer.

Ngoài ra, trong cơ chế attention của mô hình encoder-decoder ta sẽ sử dụng thêm các yếu tố về phân loại.

Bằng việc kết hợp này, ta hy vọng có thể cải thiện được chất lượng của quá trình dịch máy từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Quá trình thực nghiệm sẽ được tiến hành trên bộ dữ liệu Việt – Anh của Stefan Shcweter tại github: <https://github.com/stefan-it/nmt-en-vi/tree/master/data>.

Sau quá trình thực nghiệm, ta sẽ nghiệm thu, đánh giá mô hình dựa trên kết quả đạt được.

Chương 1: TỔNG QUAN ĐỀ TÀI

* 1. Tính cấp thiết của đề tài

Dịch thuật là sự truyền đạt ý nghĩa của văn bản ngôn ngữ nguồn sang văn bản ngôn ngữ mong muốn tương đương [1].

Dịch thuật cần người có am hiểu ngôn ngữ của cả ngôn ngữ gốc (ngôn ngữ nguồn) của văn bản lẫn ngôn ngữ mong muốn (ngôn ngữ đích) mà nhu cầu đời sống cần sử dụng. Vì thế dịch thuật là một quá trình tốn rất nhiều thời gian và công sức. Vì thế với sự phát triển của thời buổi công nghệ hiện nay, ta có thể thực hiện việc dịch văn bản một cách tự động bằng các chương trình trên máy tính, với hy vọng ta có thể làm giảm chi phí thời gian, công sức, lẫn con người của quá trình dịch thuật.

Tuy nhiên, dịch thuật bằng máy (dịch máy, Machine translation (MT)) vẫn còn nhiều hạn chế. Các yếu tố này thường là do: một từ có nhiều nghĩa giữa cả 2 ngôn ngữ, sự khác biệt trong cấu trúc ngữ pháp của cả 2 ngôn ngữ, cách vận dụng, tình huống xảy ra trong văn bản của ngôn ngữ nguồn,… Đặc biệt là việc dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh. Vì tiếng Việt được mọi người trên thế giới đánh giá là một ngôn ngữ có mức độ khó và phức tạp về từ vựng, ngữ pháp, ý nghĩa.

Dựa trên cách thực hiện, dịch máy thường có thể được phân thành các hướng sau: dịch máy dựa trên tri thức hay kinh nghiệm của các chuyên gia trong lĩnh vực dịch thuật (Rule-based machine translation (RBMT)), dịch máy dựa trên văn bản bằng các tính toán lẫn phân tích về mặt thống kê (Statistical machine translation (SMT)), dịch máy kết hợp giữa rule-based machine translation và statistical machine translation được gọi là Hybrid machine translation, cuối cùng một phương hướng mới đó là sử dụng các mô hình mạng thần kinh (nơ-ron – nerual) nhân tạo (Neural machine translation – NMT).

Với các khó khăn hiện nay đã nêu ở trên, việc tìm ra những phương pháp giúp cải thiện quá trình dịch máy là một điều cần thiết. Đề tài luận văn xin được tập trung giới hạn nghiên cứu cải thiện dịch máy từ văn bản ngôn ngữ tiếng Việt sang ngôn ngữ tiếng Anh bằng mô hình transformer (một dạng của mô hình mạng neural) kết hợp với kỹ thuật gióng háng từ hướng dẫn (alignment). Vì thế đề tài có tên là: “Cải thiện dịch máy nơ-ron Việt-Anh bằng gióng hàng từ hướng dẫn.

* 1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài đó chính là sử dụng kỹ thuật gióng hàng từ vào mô hình mạng neural để cải thiện quá trình dịch máy từ văn bản tiếng Việt thành văn bản tiếng Anh. Mục tiêu cụ thể gồm:

* Tiền xử lý và tạo ra một tập dữ liệu phù hợp cho việc thực hiện kỹ thuật gióng hàng từ cũng như cho quá trình huấn luyện của mô hình transformer
* Chọn mô hình mạng neural và kỹ thuật gióng hàng từ cho quá trình dịch.
* Tiến hành thực nghiệm, đánh giá và so sánh giữa 2 phương pháp: phương pháp sử dụng mô hình mạng neural thuần với phương pháp sử dụng mô hình neural kết hợp với kỹ thuật alignment (cả 2 phương pháp sẽ đều dùng cùng một loại mô hình mạng neural).
  1. Tổng quan nghiên cứu

Dịch máy hiện nay thường được nghiên cứu dựa trên các mô hình mạng nơ-ron nhân tạo. Các mô hình nơ-ron này hoạt động dựa trên các cấu trúc hồi quy làm cốt lõi để trích xuất và nắm bắt cách phụ thuộc của các yếu tố trong cả 2 ngôn ngữ nguồn và đích được đem ra để dịch. Phương pháp chủ yếu của các giải thuật này đó chính là tối đa hóa các xác suất phụ thuộc trong quá trình huấn luyện, để từ đó mô hình có thể cho ra được kết quả dịch gần đúng và hợp lý.

Các mô hình mạng nơ-ron sơ khai ban đầu là các mạng nơ-ron với mỗi nhân trong mô hình là 1 hàm tuyến tính cơ bản, sau đó phát triển và được thay thế bằng các hàm phi tuyến tính. Theo thời gian, cấu trúc nhân của các mạng nơ-ron cũng được phát triển từ 1 hàm tính toán thành 1 tổ hợp các hàm tính toán nhằm làm giảm các hạn chế của việc chỉ sử dụng 1 hàm đơn thuần. Các cấu trúc tiêu biểu này thường là: Long-short Term Memory (LSTM) của Sepp Hochreiter; Jürgen Schmidhuber (1997), Gated Recurrent Unit (GRU) của Kyunghyun Cho và các cộng sự (2014),…

Mô hình kinh điển (state-of-art) sequence-to-sequence

* 1. Đối tượng nghiên cứu
  2. Phạm vi nghiên cứu
  3. Phương pháp nghiên cứu
  4. Cấu trúc của đề cương

Chương 2: MÔ HÌNH GIÓNG HÀNG TỪ

2.1 Giới thiệu về dịch máy thống kê

2.2 Kĩ thuật gióng hàng từ

2.3 Các mô hình dịch máy sử dụng kĩ thuật gióng hàng từ của IBM

2.4 Kĩ thuật gióng hàng từ nhanh dựa trên mô hình 2 của IBM

Chương 3: MÔ HÌNH DỊCH MÁY NƠ-RON

3.1 Cấu trúc của 1 mạng nơ-ron cơ bản

3.2 Mô hình dịch máy nơ-ron sequence-to-sequence (encoder-decoder) cơ bản

3.3 Encoder 2 chiều (Bidirectional RNN Encoder)

3.4 Kĩ thuật soft alignment trong decoder

3.5

Chương 4: THỰC NGHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Namit Bhatia, 1992, The Oxford Companion to the English Language, trang (pp.) 1051 – 1054.